

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC: TỪ THỰC TIỄN XÃ TRÀ TẬP, HUYỆN NAM TRÀ MY, TỈNH QUẢNG NAM

STATE MANAGEMENT OF ETHNIC MINORITIES AFFAIRS: FROM THE PRATICE OF
TRA TAP COMMUNE, NAM TRA MY DISTRICT, QUANG NAM PROVINCE

Ngày nhận bài: 27/07/2020

Ngày chấp nhận đăng: 31/08/2020

Trương Thị Thu Hiền, Lê Thị Xuân, Phạm Thị Lan Phương, Hà Hồng Dương

TÓM TẮT

Ở Việt Nam, chính sách dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc được xem nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, của toàn bộ hệ thống chính trị. Vì tầm quan trọng đó, quản lý nhà nước về dân tộc đã, đang và sẽ là một trong những lĩnh vực được các nhà nghiên cứu rất quan tâm. Nghiên cứu này nhằm làm giàu hơn và bổ sung thêm cho các kết quả nghiên cứu đã có về lĩnh vực này bằng việc cụ thể hóa vào điều kiện của xã Trà Tập- một xã miền núi còn nhiều khó khăn của huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam và gắn chặt với ba nội dung cơ bản nhất của công tác quản lý nhà nước về dân tộc tại chính quyền địa phương cấp xã.

Từ khóa: Quản lý nhà nước; công tác dân tộc; chính sách dân tộc; tuyên truyền; khiếu nại.

ABSTRACT

In Vietnam, the ethnic policy and the implementation of the ethnic policies are considered the tasks of the entire Party, the entire people, the entire army, of all levels, branches, of the entire political system. Because of that importance, the state management of ethnic affairs were, are and will be one of the areas that researchers are very interested in. This study aims to enrich and supplement the existing research results in this area by concretizing the conditions of Tra Tap commune- a difficult mountainous commune of Nam Tra My district, Quang Nam province and attaches closely to the three most basic contents of the state management of ethnic affairs at the commune level.

Keywords: State management; ethnic affairs; ethnic policy; propaganda; complain.

1. Giới thiệu

Hoạt động quản lý nhà nước ở xã Trà Tập, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam những năm qua đã đạt một số thành tựu nhất định như: đã xây dựng được nhà nội trú cho trường Tiểu học xã Trà Tập góp phần ổn định nơi ăn ở cho học sinh; tổ chức đợt tập huấn cho các cán bộ tư pháp hộ tịch cấp xã cách sử dụng phần mềm quản lý hộ tịch để hỗ trợ trong việc cập nhật, sửa đổi, trích xuất tất cả thông tin về hộ tịch, hộ khẩu của mọi người dân trong phạm vi quản lý của địa phương; công tác tổ chức, xây dựng Đảng được chú trọng với việc quy hoạch cán bộ, rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy; các cán bộ xã được bồi dưỡng chính trị, tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Tuy nhiên bên cạnh đó còn tồn tại một số bất cập như công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng và các chính sách pháp luật nhà nước gặp không ít khó khăn ở những địa phương vùng sâu, vùng xa; công tác thực hiện các hệ thống chính sách hiện nay còn dàn trải và chồng chéo; việc kiểm tra, đôn đốc công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa được thường xuyên,...dẫn đến hiệu quả chưa cao... Vì vậy cần có những giải pháp để hoàn thiện công tác này trong thời gian đến.

Trương Thị Thu Hiền, Lê Thị Xuân, Phạm Thị Lan Phương, Hà Hồng Dương, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Lý thuyết 1.1: Khái niệm dân tộc

Dân tộc là một khái niệm được hiểu theo nhiều nghĩa, trong đó có hai nghĩa chính: nghĩa rộng và nghĩa hẹp (nghĩa khoa học, hiện đại). Theo nghĩa rộng, dân tộc là khái niệm dùng để chỉ hầu như tất cả các hình thức cộng đồng người trong lịch sử như bộ lạc, bộ tộc... (tộc người). Theo nghĩa khoa học, hiện đại (nghĩa quốc gia dân tộc), dân tộc là khái niệm dùng để chỉ hình thức cộng đồng người ổn định, hình thành trong lịch sử, có những đặc trưng phân biệt với những hình thức cộng đồng người trước đó như bộ tộc, bộ lạc... [1, tr. 453]. Nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu tiếp cận quan niệm dân tộc theo nghĩa rộng (tộc người).

2.1.2. Lý thuyết 1.2: Quan niệm quản lý nhà nước về dân tộc

Quản lý nhà nước về dân tộc là một phần quan trọng của quản lý nhà nước, đó là “hoạt động quản lý nhà nước về lĩnh vực dân tộc nhằm tác động và tạo điều kiện để đồng bào các dân tộc thiểu số cùng phát triển, đảm bảo sự tôn trọng, đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của công dân” (Khoản 1, Điều 4, Nghị định 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc)

2.1.3. Lý thuyết 1.3: Nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về công tác dân tộc

Nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về dân tộc bao gồm 11 nội dung (Điều 21, Nghị định 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc). Trong nghiên cứu này, để gắn với đặc thù từ thực tiễn xã Trà Tập, nhóm tập trung làm rõ ba nội dung cơ bản gồm: (1) Tổ chức thực hiện chính sách dân tộc; (2) Tuyên truyền phổ biến chủ trương của Đảng, chính

sách pháp luật của nhà nước về công tác dân tộc và (3) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác dân tộc theo thẩm quyền.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp tổng hợp, so sánh

Nghiên cứu sử dụng phương pháp này để tổng hợp, phân tích các công trình nghiên cứu đã có liên quan đến nghiên cứu để hệ thống lại những vấn đề có liên quan đến cơ sở lý luận về dân tộc, quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

2.2.2. Phương pháp tiếp cận hệ thống

Nghiên cứu này xem quản lý nhà nước về công tác dân tộc là một hệ thống lớn trong đó có các hệ thống con, đó là các yếu tố cấu thành nên nội dung quản lý nhà nước về công tác dân tộc. Để hoàn thiện hệ thống lớn, việc hoàn thiện các hệ thống con là hết sức cần thiết. Bài báo sử dụng phương pháp này trong phân tích, đánh giá thực trạng và đưa ra những giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về công tác dân tộc tại xã Trà Tập, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam.

2.2.3. Phương pháp khảo sát

Tiến hành khảo sát ý kiến của 240 người dân đang sinh sống, học tập và làm việc tại xã Trà Tập về công tác dân tộc. Nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu là ngẫu nhiên phi xác suất và kích thước mẫu được tính toán theo công thức Slovin- một phương pháp được sử dụng nhiều trong nghiên cứu khoa học: $n = N / (1 + N \cdot \varepsilon)$; (Trong đó: N: số hộ dân xã Trà Tập tại thời điểm khảo sát (631 hộ) và ε : sai số cho phép (5%)). Nghiên cứu sử dụng phương pháp này để làm cơ sở bổ sung, củng cố cho các nhận định, phân tích, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về công tác dân tộc và đề xuất các giải pháp quản lý nhà nước về công tác dân tộc tại xã Trà Tập, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam.

2.2.4. Phương pháp phân tích số liệu

Bài nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích số liệu bằng phần mềm Excel và SPSS.

3. Kết quả và đánh giá

3.1. Kết quả

3.1.1. Một số vấn đề đặt ra đối với công tác quản lý nhà nước về dân tộc tại xã Trà Tập

Một là, công tác thực hiện các hệ thống chính sách hiện nay còn dàn trải và chồng chéo. Nguồn lực thực hiện còn khó khăn, chưa khai thác hết tiềm năng, thế mạnh của từng vùng. Công tác huy động nguồn lực trong cộng đồng dân cư để cùng thực hiện các chương trình, chính sách chưa được triển khai mạnh mẽ; việc lồng ghép các nguồn vốn có cùng mục tiêu chưa nhiều; bên cạnh đó tiến độ phân bổ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương chậm; trong sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi và cơ cấu lao động chưa rõ nét; dịch vụ thương mại chậm phát triển, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa nông sản còn nhiều khó khăn. Một số vấn đề quan trọng khác có thể kể đến như:

(i) *Nạn tảo hôn còn tồn tại và kéo dài từ nhiều năm nay.* Hầu hết những trường hợp tảo hôn đều là đồng bào các dân tộc thiểu số, làm nông, trình độ học vấn dưới lớp 10. Bình quân tuổi kết hôn của nam giới 18,4 tuổi và của nữ giới 15,7 tuổi, cá biệt có trường hợp nữ chỉ mới có 12 tuổi, phổ biến tuổi kết hôn ở nữ giới khoảng 14 - 15 tuổi. Có 18 người kết hôn cận huyết thống (con cô - cậu - dì), trong đó 10 nam giới và 8 nữ giới. Có đến 70% trường hợp tảo hôn đang trong độ tuổi đi học, dù đa số đều đã được tham gia các buổi tuyên truyền, vận động. Việc tảo hôn, bỏ học sớm khiến tình trạng dân trí bị kéo lùi lại gây cản trở cho chủ trương chung hướng đến mục phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương.

(ii) *Tình trạng trường tạm, lớp ghép còn phổ biến, đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác phổ cập giáo dục ở địa phương.* Khoảng 21% người trên 15 tuổi chưa đọc thông, viết thạo tiếng Việt. Cơ sở vật chất tại các điểm trường thôn còn tạm bợ. Địa phương là vùng núi cao còn nhiều khó khăn, hầu hết là vùng đồng bào dân tộc thiểu số nên tình trạng trường tạm, lớp ghép ở bậc mầm non còn phổ biến, ảnh hưởng không nhỏ đến công tác phổ cập giáo dục mầm non ở địa phương. Vì thế, cơ hội đến trường của trẻ em vùng cao, vùng sâu ở một số nơi còn thấp, nhất là độ tuổi trẻ nhà trẻ. Chế độ đãi ngộ giáo viên còn thấp, số giáo viên mầm non hợp đồng ở các huyện miền núi Quảng Nam còn nhiều. Khó khăn vất vả là vậy nhưng giáo viên nuôi dạy ở các lớp ghép mầm non không được hưởng chế độ như giáo viên dạy các lớp ghép cấp tiểu học.

(iii) *Công tác y tế còn nhiều thiếu thốn về nhiều mặt.* Cơ sở y tế ở đây tồn tại các thực trạng: không có bác sĩ, trang thiết bị y tế thô sơ, đội ngũ y tế yếu về năng lực chuyên môn, công tác viên y tế, dân số thôn, bản thì hoạt động kém hiệu quả vì thiếu kiến thức, chính sách hỗ trợ hoạt động quá hạn hẹp. Với trên 90% người dân là đồng bào dân tộc thiểu số, tỉ lệ hộ đói nghèo chiếm đến phần lớn, địa hình phức tạp, dân cư phân bố theo thôn, nóc rộng khắp, có nơi đi đến trung tâm y tế huyện phải mất cả ngày đường, vì vậy, hoạt động y tế cơ sở và hưởng lợi từ y tế của người dân địa phương gặp rất nhiều khó khăn. Trang thiết bị thông thường và thuốc thiết yếu vẫn còn thiếu như: thiết bị cân sơ sinh, thiết bị khử trùng, dụng cụ khám thai... thuốc chống sốt dị ứng; thuốc chống co thắt phế quản, chống động kinh... Cán bộ y tế thôn, bản đảm bảo số lượng hoạt động nhưng trình độ còn rất nhiều hạn chế. Tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế cao tuy nhiên tỉ lệ khám, chữa bệnh còn thấp gây ra hạn chế trong việc cải thiện chất lượng y tế địa phương.

Hai là, công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc còn gặp nhiều khó khăn. Ở những thôn, bản vùng đặc biệt khó khăn, công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng và các chính sách pháp luật nhà nước gặp không ít khó khăn bởi nhiều lý do như đường giao thông cách trở; điện lưới, sóng điện thoại chưa có; nhiều nơi được đầu tư loa phát, đầu thu nhưng hổng nên việc tiếp cận thông tin của người dân còn hạn chế. Vì thế, việc đưa các chủ trương, chính sách đến với người dân còn hạn chế, việc nắm bắt được các thông tin chưa nhiều.

Đội ngũ tuyên truyền viên hay thay đổi, trong khi ít được tập huấn về kỹ năng tuyên truyền. Việc biên soạn tài liệu tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cũng như chế độ cho các tuyên truyền viên không thực hiện được.

Ba là, công tác kiểm tra, thanh tra chưa hoạt động thực sự hiệu quả. Việc kiểm tra, đôn đốc công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa được thường xuyên; vẫn còn đơn thư khiếu nại vượt cấp lên cấp trên. Ở một số nơi, công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về thanh tra, tiếp dân, khiếu nại, tố cáo còn hạn chế, chưa thường xuyên và sâu rộng đến cơ sở.

Việc thực hiện kế hoạch thanh tra còn chậm, có cuộc thanh tra còn kéo dài so với thời gian quy định. Đặc biệt, một số kết luận thanh tra phát hiện sai phạm về kinh tế có giá trị lớn nhưng kết quả xử lý kỷ luật đối với tập thể và cá nhân có liên quan đến sai phạm thì không nhiều, đồng thời chưa nêu đích danh tập thể, cá nhân phải được xem xét xử lý do có liên quan đến những sai phạm.

Về công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại và tố cáo, chính quyền vẫn thực hiện chưa đầy đủ. Bên cạnh đó đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý, tham mưu giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo tại một số đơn vị, địa phương chưa được quan

tâm, chưa được bồi dưỡng về nghiệp vụ tiếp công dân làm ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; chất lượng giải quyết khiếu nại, tố cáo vẫn còn những hạn chế nhất định.

3.1.2. Một số giải pháp

Để giải quyết những bất cập nêu trên, góp phần hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về dân tộc trên địa bàn xã Trà Tập, chính quyền địa phương xã Trà Tập cần nghiên cứu, tổ chức thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp. Cụ thể:

Giải pháp thứ nhất: Về công tác tổ chức thực hiện chính sách dân tộc:

Một là, khắc phục tình trạng tảo hôn, hứa hôn và hôn nhân cận huyết thống. Cần tăng cường giáo dục ở trường, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, trò chơi để cung cấp kiến thức về hậu quả nghiêm trọng của tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống. Đẩy mạnh giáo dục giới tính trong trường học, phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên trong các hoạt động ngoài giờ cho các em học sinh. Công tác truyền thông về vấn đề này cần nỗ lực nhiều hơn nữa, cần đa dạng về hình thức và nội dung.

Cần chỉ đạo làm sao để đưa tiêu chí không tảo hôn, hứa hôn, hôn nhân cận huyết thống vào quy định hương ước các dòng họ và quy ước thôn bản. Ngành y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình cần tích cực can thiệp, lồng ghép các hoạt động truyền thông về phòng chống tình trạng này và thực hiện chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình,... góp phần tích cực vào xây dựng đời sống văn hóa, cải thiện chất lượng và điều kiện sống ở Trà Tập. Trong quản lý nhà nước cần đặc biệt chú trọng việc thực thi nghiêm minh theo pháp luật của các cấp chính quyền, cơ quan, phải khắc phục tình trạng né tránh, bao che hoặc thiếu gương mẫu trong bộ phận cán bộ, Đảng viên.

Chính quyền cần phối hợp với ban quản lý về dân số để nắm bắt về thông tin các hộ gia đình trong xã có con em đang đến độ tuổi dễ tảo hôn nhằm chú ý, ngăn chặn kịp thời các trường hợp tảo hôn xảy ra và chú trọng tuyên truyền đến những hộ gia đình đó. Nếu nghe tin về việc con cái ở các hộ gia đình sắp tảo hôn thì cần cử cán bộ đến tận nhà và tích cực tuyên truyền, thuyết phục gia đình để họ hiểu rõ về những hậu quả của tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống.

Hai là, quan tâm hơn đến công tác tổ chức thực hiện chính sách giáo dục. Chính quyền cần quan tâm đến việc đào tạo nghề đối với học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông trung học cơ sở và trung học phổ thông là vấn đề cốt lõi trong công tác phát triển giáo dục ở đồng bào vùng dân tộc thiểu số hiện nay. Trong đào tạo giảng dạy, giáo viên không chỉ nói lý thuyết, cần kết hợp thực hành phù hợp. Nhà trường nên yêu cầu cần có hoạt động ngoại khóa thường xuyên hơn.

Trang bị tài liệu học tập, nhân rộng mô hình song ngữ. Đồng thời đào tạo giáo viên biết cả tiếng dân tộc để tích cực hỗ trợ các em trong phát triển ngôn ngữ. Ưu tiên đào tạo giáo viên người dân tộc để họ hiểu được tâm lý và có thể giao lưu tốt với các em. Chú trọng đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra, đánh giá để nâng cao chất lượng dạy học. Thường xuyên tổ chức các hoạt động cho giáo viên nhằm nâng cao năng lực, bồi dưỡng tinh thần dạy học và tinh thần yêu thương, giúp đỡ các em đồng bào dân tộc thiểu số.

Về phía phụ huynh, chính quyền nên tăng cường vận động để họ có nhận thức đúng đắn, chuẩn bị tâm lý tốt cho con đi học vì học sinh miền núi thường có tâm lý nhút nhát, hay sợ hãi, ngại giao tiếp. Chính quyền xã nên bổ sung thêm chỉ tiêu các hộ gia đình có tất cả con em được đi học vào chỉ tiêu xét cấp hộ nghèo, cận nghèo hoặc được hỗ trợ để người

dân ưu tiên cho con em đi học với phương châm “có học mới thoát được nghèo”.

Khai thác toàn bộ chế độ ưu đãi cho giáo viên, có chế độ thưởng cho giáo viên khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ dạy học và nhiệm vụ tuyên truyền, truyền cảm hứng cho học sinh vùng thiểu số. Thường xuyên quan tâm, động viên giáo viên tận tâm với nghề. Trang bị cơ sở vật chất còn khó khăn nhưng quan trọng là có tinh thần dạy và học tốt. Tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng giáo dục và chất lượng phòng học, trường học; giám sát việc đầu tư cơ sở vật chất cho trường học trên địa bàn xã.

Ba là, quan tâm hơn đến công tác tổ chức thực hiện chính sách y tế. Tình trạng không có bác sĩ, trang thiết bị y tế thô sơ, đội ngũ y tế yếu năng lực chuyên môn, hoạt động kém hiệu quả vì thiếu kiến thức, chính sách hỗ trợ hoạt động quá hạn hẹp phổ biến ở các vùng dân tộc miền núi. Các cấp chính quyền cần triển khai, thực hiện nhiều chính sách nhằm thu hút nguồn nhân lực cho ngành y tế, chú trọng đảm bảo nguồn lực tại chỗ. Việc này cần yêu cầu lên tinh ưu tiên phân công bác sĩ công tác tại địa phương, phân công nguồn lực hợp lý. Cần có chế độ thích hợp cho những bác sĩ, y tá hoạt động tốt ở các vùng khó khăn như xã Trà Tập.

Quan tâm đến công tác đào tạo, tự đào tạo và cho bác sĩ, y tá đi học, bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn; liên kết, hỗ trợ, hợp tác với các xã lân cận và bệnh viện huyện, tỉnh để hoạt động hiệu quả hơn. Vì địa hình phức tạp, dân cư phân bố theo thôn, nóc rộng khắp, đi đến trung tâm y tế xa nên các tổ chức y tế cần thường xuyên tổ chức các hoạt động khám bệnh lưu động đến từng nơi sâu, xa để kịp thời phát hiện bệnh và phổ biến cho nhân dân hiểu rõ về các nguồn bệnh. Kiểm tra cơ sở vật chất của cơ sở y tế xã nhằm kịp thời bổ sung thuốc thang đầy đủ.

Công tác tuyên truyền cần đẩy mạnh, sử dụng các loa phát thanh của xã để phổ biến về các đợt dịch bệnh có nguy cơ gặp phải theo từng mùa, đồng thời chỉ ra nguyên nhân và nêu giải pháp khắc phục, làm cho người dân hiểu rõ “phòng bệnh hơn chữa bệnh”, nếu có bệnh cần nhanh chóng đến cơ sở y tế để phát hiện và thăm khám kịp thời.

Giải pháp thứ hai: Về công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật: Chú trọng đầu tư đảm bảo cơ sở vật chất cho việc tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật. Tuy nhiên, công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật vướng phải khó khăn khi số người dân nắm được thông tin chưa nhiều, người dân thường chỉ quan tâm tới pháp luật khi bản thân họ rơi vào tình thế dính líu tới pháp luật. Đo lường, kiểm tra mức độ nhận thức của người dân về pháp luật ra sao để truyền tải thông tin phù hợp đến với họ không thiếu và cũng không bị quá tải.

Sử dụng nhiều hình thức tuyên truyền phong phú, sát thực tế, sử dụng kết hợp ngôn ngữ địa phương, bám địa bàn, bám dân, bám đối tượng; đồng thời cùng ăn ở, sinh hoạt, cùng nói tiếng địa phương để hiểu rõ nhu cầu nhằm thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật tốt hơn. Về nội dung tuyên truyền cần phù hợp với trình độ nhận thức của người dân, tuyên truyền phù hợp với đúng lứa tuổi, tình hình cụ thể, từng đối tượng đặc thù, đối tượng dễ vi phạm pháp luật. Tập trung phổ biến pháp luật về dân tộc, tôn giáo, an ninh chính trị, hôn nhân, gia đình, kinh tế, xã hội,...

Nâng cao năng lực của đội ngũ tuyên truyền viên xã, đào tạo đội hình tuyên truyền, phổ biến pháp luật năng động, nhiệt huyết, sáng tạo, tuyên truyền viên biết tiếng dân tộc, đội ngũ tuyên truyền viên phải được tập huấn về kỹ năng tuyên truyền. Trước khi đi tuyên truyền cho người dân thì cần phải biên soạn tài liệu phù hợp, đo lường trước những rủi ro

gặp phải và tìm cách xử lý trước. Tăng cường tần suất tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật cho người dân, tổ chức một số hoạt động hoặc cuộc thi tìm hiểu về pháp luật cho đồng bào dân tộc.

Giải pháp thứ ba: Về công tác kiểm tra thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác dân tộc: Xây dựng tổ chức và đội ngũ cán bộ tăng cường cho lực lượng thanh tra hành chính với những cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực, trình độ công tác. Bên cạnh đó cần phải theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch thanh tra của xã có đúng tiến độ, quy trình hay không để kịp thời có những hướng dẫn, chỉ đạo những vấn đề vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của công tác thanh tra, kiểm tra của địa phương.

Củng cố tổ chức, lực lượng làm công tác thanh tra, phát triển hệ thống lý luận nghiệp vụ. Đổi mới phương pháp, hình thức thanh tra, kiểm tra phù hợp theo tình hình từng năm của địa phương. Kiên quyết đấu tranh, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, thoái hóa về phẩm chất đạo đức. Yêu cầu đội ngũ thanh tra, kiểm tra phải có phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, pháp luật, nghiệp vụ chuyên ngành, đồng thời phải nhạy bén về kinh tế, văn hóa,... đặc biệt phải am hiểu sâu sắc về lĩnh vực an ninh trật tự và có kinh nghiệm giải quyết tốt các mối quan hệ phát sinh trong quá trình tiến hành thanh tra.

Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tiếp dân về kỹ năng xử lý và giao tiếp thấu tình đạt lý với người dân, trân trọng lắng nghe, tiếp thu ý kiến của nhân dân. Trân trọng và bảo vệ người khiếu nại, tố cáo có tâm huyết, trách nhiệm đã dũng cảm phản ánh với chính quyền những khuyết điểm, sai phạm của cơ quan, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Thực hiện công khai, minh bạch về xử lý các đơn từ của nhân dân, mở rộng kênh tiếp nhận thông tin kiến nghị, phản ánh như đặt các hộp thư kín,...

để phát huy tối đa việc tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

3.2. *Đánh giá*

Nghiên cứu này có những đóng góp nhất định về mặt thực tiễn so với các nghiên cứu cùng lĩnh vực trước đây khi tập trung vào ba nội dung quan trọng nhất của công tác quản lý nhà nước về dân tộc của một chính quyền địa phương cấp xã gồm: (1) *công tác tổ chức thực hiện chính sách dân tộc*; (2) *công tác tuyên truyền phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về công tác dân tộc* và (3) *công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác dân tộc theo thẩm quyền*.

Thông qua việc nghiên cứu gắn với thực tiễn tại một chính quyền địa phương cấp xã cụ thể, nghiên cứu đã chỉ ra sự dàn trải và chông chéo trong công tác tổ chức thực hiện chính sách dân tộc; những khó khăn trong công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật đến người dân địa phương và sự chưa hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm

tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền. Trên cơ sở đó, ba nhóm giải pháp đã được chỉ ra nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước về dân tộc tại xã Trà Tập.

4. *Kết luận*

Trên cơ sở hệ thống lý thuyết về công tác dân tộc, quản lý nhà nước về dân tộc, cùng những thông tin sơ cấp, thứ cấp thu thập được giai đoạn 2015-2019 về thực trạng công tác quản lý nhà nước về dân tộc tại xã Trà Tập, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam, nghiên cứu đã chỉ ra những bất cập và đề xuất những giải pháp hoàn thiện công tác này đến năm 2025, tầm nhìn 2030. Từ thực tiễn tại xã Trà Tập, kết quả nghiên cứu sẽ góp phần mang lại những ý nghĩa nhất định đóng góp vào mục tiêu nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về dân tộc nói riêng, công tác quản lý nhà nước nói chung, xa hơn, góp phần cải thiện hơn nữa đời sống đồng bào các dân tộc Việt Nam tại xã Trà Tập và phát triển kinh tế huyện miền núi Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), Giáo trình Triết học (Dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học), Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
- Chính phủ (2011), Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 về công tác dân tộc.
- Lê Văn Lợi (2019), Giải quyết những vấn đề dân tộc ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, Tạp chí Tổ chức nhà nước.
- Thành tựu về công tác dân tộc của Quảng Nam sau 20 năm tái lập tỉnh
<http://bandantoc.quangnam.gov.vn/Default.aspx?tabid=109&Group=73&NID=9630&thanh-tuu-ve-cong-tac-dan-toc-cua-quang-nam-sau-2-nam-tai-lap-tinh>
- Quảng Nam, vấn nạn tảo hôn ở những huyện miền núi,
<http://quangnam.gov.vn/CMSPages/BaiViet/Default.aspx?IDBaiViet=21593>